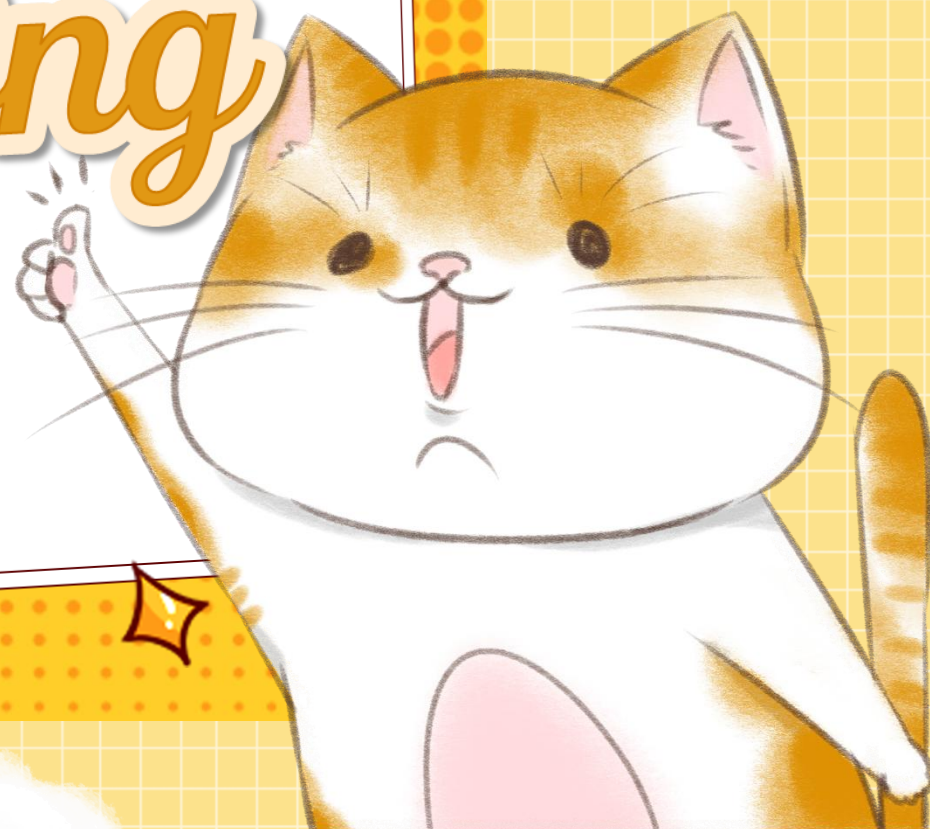


TOÁN

Mi-li-mét vuông

Trang 63



Yêu cầu cần đạt



* Năng lực đặc thù:

- Biết mi-li-mét vuông là đơn vị đo diện tích; biết kí hiệu của mi-li-mét vuông: mm^2 .
- Thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán các số đo diện tích (m^2 , dm^2 , cm^2 , mm^2).
- Giải quyết được việc ước lượng các kết quả đo lường trong một số trường hợp đơn giản.

* **Năng lực chung:** Năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* **Phẩm chất:** Chăm chỉ, cẩn thận, có tinh thần tự học.



KHỎI

ĐỘNG



Câu 1: $7\text{m}^2\ 4\text{dm}^2 = \dots \text{dm}^2$

**A****74****B****704****C****740****D****7004**

Câu 2: 1902cm^2 ... 20dm^2 20cm^2



A

<

B

>

C

=



Câu 3: Ba nghìn chín trăm năm
mươi tư đề xi mét vuông viết là:

A

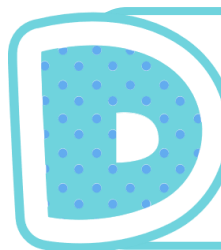
3 945 m²

B

3 954 m²

C

3 945 dm²

D

3 954 dm²



Câu 4: Cho hình vuông ABCD có $AB = 6\text{m}$. Hỏi diện tích hình vuông ABCD bằng bao nhiêu đề-xi-mét vuông?



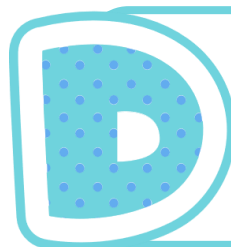
36 dm²



360 dm²



3600 dm²



36 000 dm²



KHÁM

PHÁ



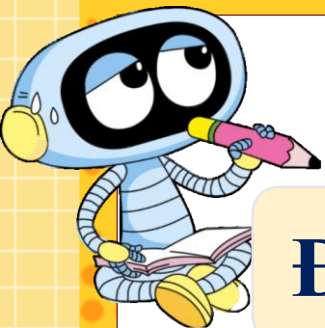
Tranh vẽ gì?

Để đo diện tích của một vật có cách thức nhỏ, người ta dùng đơn vị nào?

Ôi, sẽ là một cái cửa bé tí hon ấy.

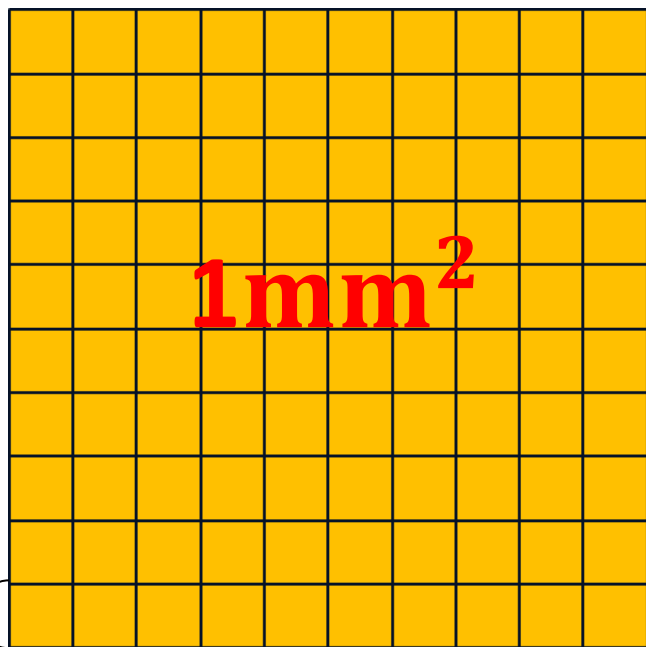
Anh ơi, nếu muốn làm cửa cho tổ kiến thì mình phải làm cửa cỡ nào ạ?





Giới thiệu mi-li-mét vuông

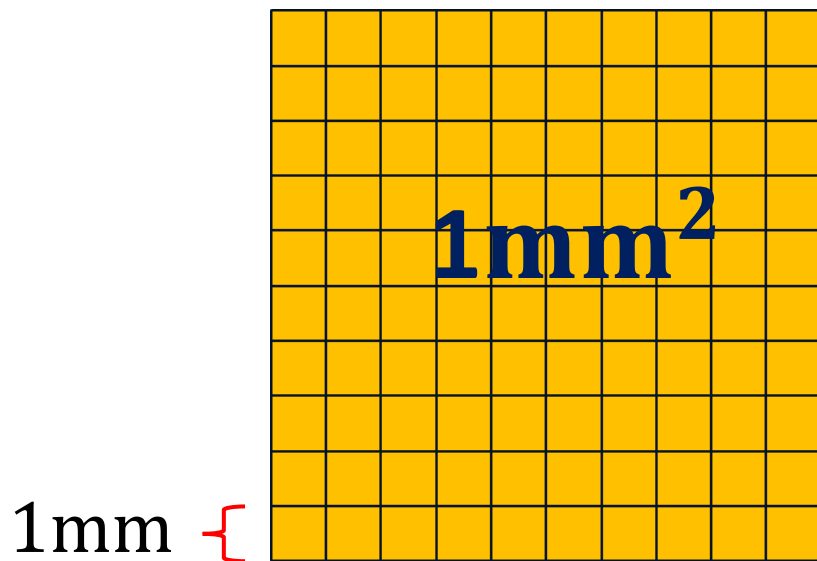
Để đo diện tích người ta còn dùng đơn vị **mi-li-mét vuông**.



Tính diện tích hình
vuông có cạnh 1mm ?

Diện tích hình vuông là:
 $1 \times 1 = 1 \text{ (mm}^2\text{)}$

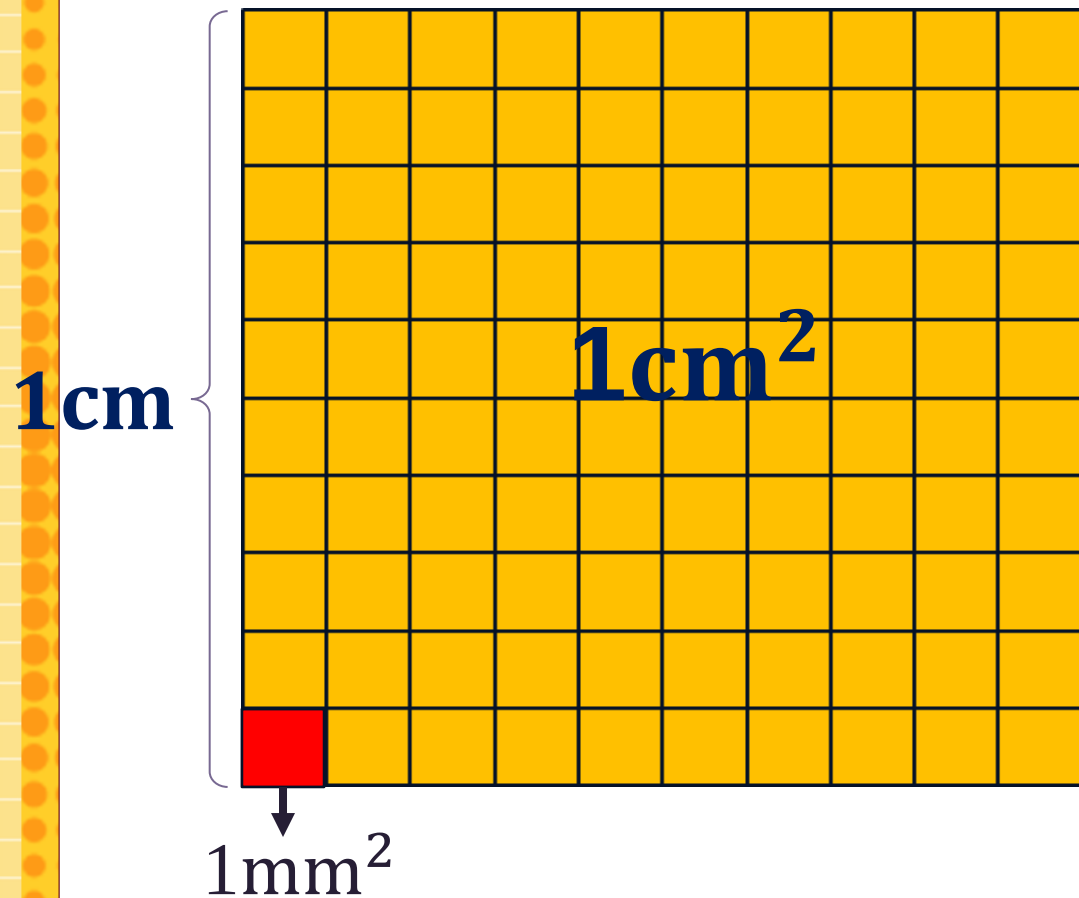
Giới thiệu cách đọc, viết **mi-li-mét vuông**



Mi-li-mét vuông viết tắt là: **mm²**

mm² đọc là: **mi – li – mét vuông**

Mối quan hệ giữa xăng-ti-mét vuông và mi-li-mét vuông



Nhận xét: Ta thấy hình vuông cạnh 1cm được xếp đầy bởi 100 hình vuông nhỏ (diện tích 1mm²).

$$100 \text{ mm}^2 = 1 \text{ cm}^2$$

KẾT LUẬN

- + Để đo diện tích của những vật có kích thước nhỏ, người ta có thể dùng đơn vị: **mi-li-mét vuông**
- + **Mi-li-mét vuông** là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1 mm.
- + Mi-li-mét vuông viết tắt là **mm²**.
- + **100 mm² = 1 cm²**

HOẠT

DỘNG



1 Hoàn thành bảng sau (theo mẫu).

Đọc	Viết
Năm mươi lăm mi-li-mét vuông	55 mm ²
Hai trăm linh tư mi-li-mét vuông	204 mm ²
Hai nghìn không trăm bốn mươi mi-li-mét vuông	2040 mm ²
Mười nghìn mi-li-mét vuông	10 000 mm ²





2 Số ?

a) $1 \text{ cm}^2 = 100 \text{ mm}^2$

$2 \text{ cm}^2 = 200 \text{ mm}^2$

$200 \text{ mm}^2 = 2 \text{ cm}^2$

b) $1 \text{ cm}^2 30 \text{ mm}^2 = 130 \text{ mm}^2$

$8 \text{ cm}^2 5 \text{ mm}^2 = 805 \text{ mm}^2$

$7 \text{ cm}^2 14 \text{ mm}^2 = 714 \text{ mm}^2$

3 *Chọn câu trả lời đúng.*

Diện tích của một nhãn vở khoảng:



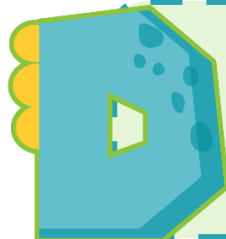
15 mm²



15 cm²



15 dm²



15 m²



DẶN DÒ

- Ôn tập kiến thức đã học.
- Hoàn thành bài tập trong SBT.
- Đọc và chuẩn bị trước Luyện tập (t64)



*Chúc các em
học tốt!*





MĂNG NON - TÀI LIỆU TIỂU HỌC

Chuyên

SOẠN BÀI GIẢNG ĐIỆN TỬ

LỚP 2, 3, 4

**BỘ KẾT NỐI TRI THỨC VÀ
CHÂN TRỜI SÁNG TẠO**

*Soạn bài giảng yêu cầu, dự giờ,
thao giảng dựa theo chương trình GDPT 2018*

Mời truy cập:

Facebook: MĂNG NON - TÀI LIỆU TIỂU HỌC

Zalo: 0382348780 - 0984848929

Quét mã QR:

